TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13/11/2019
Về "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Kim Sầm B, sinh năm 1989 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 299 ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Lý Thị Chành Đ, sinh năm 1993 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 286 ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/4/2019 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Kim Sầm B trình bày:

Tháng 3 năm 2019, anh B kết hôn với chị Lý Thị Chành Đ và được Ủy ban nhân dân xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp T, xã V, thị xã V.

Tuy nhiên, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chỉ sau 01 tuần thì anh B với chị Đ không còn sống chung với nhau. Nay, anh B giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận kết hôn và yêu cầu ly hôn với chị Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Đối với bị đơn Lý Thị Chành Đ:

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị Đ không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị Đ đều vắng mặt không có lý do. Chị Đ được thông báo về kết quả phiên họp nêu trên và việc Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 29/10/2019, bị đơn Đ vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ thống nhất với anh B về thời điểm kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống chung sau khi cưới; chị Đ cũng thống nhất với ý kiến của anh B đã trình bày về việc vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị Lý Thị Chành Đ xác định không còn tình cảm với anh B, không có nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì và thuận tình ly hôn với anh B.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh việc giao nhận văn bản tố tụng của chị Đ và tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của các đương sự (BL 22, 26).

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh B được ly hôn với chị Đ; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Kim Sầm B yêu cầu ly hôn với chị Lý Thị Chành Đ, không yêu cầu giải quyết về con chung cũng như tài sản chung, nợ chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và Giấy chứng nhận kết hôn do anh B giao nộp cũng như việc thừa nhận của bị đơn Đ và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh B về kết hôn với chị Đ, được Ủy ban nhân dân xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung là sự thật. Như vậy, anh B và chị Đ đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, từ sau khi kết hôn được 01 tuần cho đến nay, anh B và chị Đ đã không sống chung với nhau, coi nhau như người xa lạ, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Chị Đ thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh B với chị Đ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Các đương sự tiếp tục khẳng định không có con chung cũng như tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Kim Sầm B chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kim Sầm B với chị Lý Thị Chành Đ.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Kim Sầm B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007916 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: - Các đương sự; - VKSND thị xã Vĩnh Châu; - UBND xã Vĩnh Hải; - Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; - Lưu HSVA, VT.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **CHU ĐỨC CHƯƠNG**